|  |  |
| --- | --- |
| Ngày dạy: 27/9/2025  Ngày dạy: 02/10/2025 – Lớp 8A |  |

**TIẾT 7: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực:**

- Vận dụng các kiến thức về hình bình hành để giải quyết các bài tập liên quan.

**2. Phẩm chất:**

- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT.

**2. Học sinh:**

SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Giúp HS có hứng thú với nội dung bài học thông qua một tình huống liên quan đến hình bình hành.

**b) Nội dung**:

**Câu 1. \_NB\_** Tỉ số độ dài hai cạnh của một hình bình hành là , còn chu vi của nó bằng . Độ dài các cạnh của hình bình hành là

**A.**  và . **B.**  và . **C.**  và . **D.**  và .

**Câu 2. \_NB\_** Hãy chọn câu trả lời đúng

**A.** Tứ giác có hai cạnh đối song song là hình bình hành.

**B.** Tứ giác có hai cạnh đối bằng nhau là hình bình hành.

**C.** Tứ giác có hai góc đối bằng nhau là hình bình hành.

**D.** Tứ giác có các cạnh đối song song là hình bình hành.

**Câu 3. \_NB\_** Hãy chọn câu trả lời “**sai”**

**A.** Tứ giác có hai cặp cạnh đối song song là hình bình hành.

**B.** Hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau là hình bình hành.

**C.** Tứ giác có hai cặp cạnh đối bằng nhau là hình bình hành.

**D.** Tứ giác có hai cặp góc đối bằng nhau là hình bình hành.

**Câu 4. \_NB\_** Hãy chọn câu trả lời “**sai”**

**A.** Tứ giác có hai cạnh đối song song và bằng nhau là hình bình hành.

**B.** Hình thang có hai cạnh bên song song là hình bình hành.

**C.** Hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình bình hành.

**D.** Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành.

**c) Sản phẩm:**

Câu 1: B

Câu 2: D

Câu 3: D

Câu 4: B

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV chiếu Slide dẫn dắt, chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận và nêu câu trả lời  - GV cho các nhóm nhận xét và đưa ra phương án của minh  - GV chốt kiến thức, đánh giá hoạt động học tập của học sinh | Câu 1: B  Câu 2: D  Câu 3: D  Câu 4: B |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức về hình bình hành để giải quyết các bài tập liên quan.

**b) Nội dung:**

- HS tìm hiểu nội dung kiến thức về hình bình hành và tìm cách giải bài tập.

**c) Sản phẩm:**

- HS ghi nhớ và vận dụng kiến thức về hình bình hành để thực hành làm các bài tập luyện tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - Gv vấn đáp cùng học sinh phân tính ví dụ 1, ví dụ 2 và các kiến thức liên quan  - GV yêu cầu HS làm bài **3.19**  - HS suy nghĩ cá nhân  - 1 HS đứng tại chỗ trả lời  - 3 HS khác nhận xét  - GV chốt KT  - GV yêu cầu HS làm bài **Bài 3.20**  - Gv gọi 1 HS lên vẽ hình  - GV gọi 1 HS nêu hướng giải ý a  - Gv chốt cách làm  - Gv cho HS hoạt động cá nhân làm bài ý a vào vở, 1 HS lên bảng trình bày  - GV gọi 1 HS nhận xét ý a  - GV chốt kiến thức ý a  - Gv yêu cầu HS làm bài **Bài 3.20b**  - HS suy nghĩ cá nhân  - 1 HS đứng tại chỗ trả lời  - 1 HS khác nhận xét  - GV chốt KT | **Ví dụ 1 (SGK)**  **Ví dụ 2 (SGK)**  **Bài 3.19** Trong các tứ giác ở Hình 3.39, tứ giác nào là hình bình hành? Vì sao?  Bài 3.19 trang 63 Toán 8 Tập 1 | Kết nối tri thức Giải Toán 8  Lời giải: Tứ giác ABCD trong Hình 3.39a) và 3.39c) là hình bình hành; tứ giác ABCD trong Hình 3.39b) không là hình bình hành.  **Bài 3.20**  Bài 3.20 trang 63 Toán 8 Tập 1 | Kết nối tri thức Giải Toán 8  a) Vì ABCD là hình bình hành nên AB // CD.  Tứ giác AMCN có AM // CD (vì AB // CD); AM = CN (giả thiết).  Suy ra, tứ giác AMCN là hình bình hành.  Do đó AN = CM (đpcm).  b) Vì tứ giác AMCN là hình bình hành suy ra góc AMC= góc ANC (đpcm). |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh củng cố lại kiến thức về hình bình hành để giải bài tập liên quan

**b) Nội dung:**

HS vận dụng kiến thức về hình bình hành hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:**

HS giải quyết được các bài tập liên quan

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| Giáo viên tổ chức ôn lại kiến thức cơ bản về hình bình hành.  ? Định nghĩa hình bình hành?  Hình bình hành có các tính chất gì?  ? Nêu các dấu hiệu nhận biết hình bình hành?  - GV chốt kiến thức | **1. Định nghĩa.**   * Hình bình hành là tứ giác có hai cặp cạnh đối song song. * là hình bình hành .   **2. Tính chất.**  Trong hình bình hành:   * Các cạnh đối bằng nhau. * Các góc đối bằng nhau. * Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.   **3. Dấu hiệu nhận biết.**   * Tứ giác có các cặp cạnh đối song song là hình bình hành. * Tứ giác có các cạnh đối bằng nhau là hình bình hành. * Tứ giác có một cặp cạnh đối vừa song song vừa bằng nhau là hình bình hành. * Tứ giác có các góc đối bằng nhau là hình bình hành. * Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành. |
| - Gv chiếu đề **Bài 1**  - Gv gọi 1 HS nêu cách làm  - Gv hướng dẫn cách làm  - Gv cho HS hoạt động cá nhân làm bài  - Gv treo bảng chuẩn và hướng dẫn HS tự chấm bài của mình.  - GV yêu cầu đổi chéo bài cùng bàn để kiểm tra, sửa sai cho bạn  - GV chốt kiến thức, rèn cách trình bày.  - GV yêu cầu HS làm **Bài 2**  - 1 HS lên bảng vẽ hình  - Gv gọi 1 HS nêu cách làm  - GV cho HS làm việc cá nhân  - Yêu cầu HS trao đổi bài cặp đôi chấm chéo theo bảng chuẩn  - Gv cho HS trao đổi kết quả học tập, thảo luận, sửa sai cho nhau  - GV nhận xét, chốt kiến thức, rèn cách trình bày cho HS. | **Bài 1:** Cho tam giác  có  là trực tâm. Các đường thẳng vuông góc với  tại , vuông góc với  tại  cắt nhau ở . Chứng minh tứ giác  là hình bình hành.  - Xét  có  là trực tâm, suy ra ; .  Vì (1).  Vì  (2).  Từ  và  suy ra tứ giác  là hình bình hành.  **Bài 2**: Cho hình bình hành . Gọi  là trung điểm của ,  là trung điểm của . Chứng minh:  và ;    Vì tứ giác  là hình bình hành  .  Vì  là trung điểm của  Vì  là trung điểm của  Do đó .  Từ  và   Tứ giác  là hình bình hành .  Vì  là hình bình hành nên .  Mà . |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng thực tế để nắm vững kiến thức.

**b) Nội dung:**

HS vận dụng kiến thức về hình bình hành, trao đổi và thảo luận hoàn thành các bài toán theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

HS hoàn thành các bài tập được giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV yêu cầu HS làm **Bài 3,** GV chiếu đề bài  - GV cho HS làm việc cá nhân  - HS hoạt động nhóm đôi trong 2 phút  - Yêu cầu HS trao đổi bài của nhóm mình với cặp đôi khác, chấm chéo theo bảng chuẩn  - Gv cho HS trao đổi kết quả học tập, thảo luận, sửa sai cho nhau  - GV nhận xét, chốt kiến thức, rèn cách trình bày cho HS. | **Bài 3:**Khi xây dưng một khu vườn hình bình hành. Chủ nhà đã xác định được ba điểm không thẳng hàng A,B,C như hình vẽ. Chủ nhà cần làm thế nào để tìm một điểm sao cho nó cùng với ba điểm đã cho là bốn đỉnh của một hình bình hành?  Tam giác là gì ? Định nghĩa, Tính chất về Tam giác chi tiết  Giải  Nếu đỉnh đối của D trong hình bình hành (H) là B thì trung điểm của BD trùng với trung điểm của AC;  • Ngược lại, lấy điểm D sao cho trung điểm của BD trùng với trung điểm của AC thì (H) là hình bình hành ABCD cần tìm.  Bài 3.24 trang 63 Toán 8 Tập 1 | Kết nối tri thức Giải Toán 8 |

**HDVN:**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành bài tập 3.33a SGK. Gợi ý:

Vì ABCD là hình bình hành nên AB = CD; AB // CD.

Mà hai điểm B, C lần lượt là trung điểm AE, DF.

Suy ra AE = DF; AB = BE = CD = CF.

Tứ giác AEFD có AE // DF (vì AB // CD); AE = DF (chứng minh trên).

Do đó tứ giác AEFDlà hình bình hành.

Tứ giác ABFC có AB // CF (vì AB // CD); AB = CF (chứng minh trên).

Do đó tứ giác ABFClà hình bình hành.

- Chuẩn bị bài sau “**Bài 13. Hình chữ nhật**”.

+ Chuẩn bị 01 tờ A4 bìa cứng, kéo.

+ Tìm hiểu khái niệm, dấu hiệu nhận biết Hình chữ nhật